

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/8/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Dương Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Cơ

2. Bà Lâm Thị Tám

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Đăng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2020/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 05 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-DS, ngày 07/07/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Ngô Thị Ngọc D, sinh năm 1994. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Long H, xã Gia H, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- Bị đơn: Ông Ngô Văn U, sinh năm 1985. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hòa T, xã Hòa T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

- Con chung trên 07 tuổi: Cháu Ngô Ngọc Khả A, sinh ngày 18/7/2011.

Địa chỉ: Ấp Long H, xã Gia H, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/05/2020 và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc D trình bày:*

Vào năm 2009 bà và ông U kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn trễ hạn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống với nhau cũng hạnh phúc cho đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, ông U thường hay **cờ bạc, rượu chè, đánh đập bà và có người phụ nữ khác, nên** vợ chồng sống không hạnh phúc. Vì vậy vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 12/2018 cho đến nay không hàn gắn, đoàn tụ lại được. Nay **bà** nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau nữa nên **bà** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Ngô Văn U.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là cháu Ngô Ngọc Khả A, sinh ngày 18/07/2011 và cháu Ngô Ngọc Khả V, sinh ngày 29/12/2014, hiện nay cháu A đang sống với ông U và cháu V đang sống với bà D. Tại phiên tòa hôm nay bà D có sự thay **đổi** về yêu cầu nuôi con là do hiện nay cháu A đang sống với ông U nên bà D thống nhất để ông U được nuôi dưỡng cháu A theo nguyện vọng của con, bà yêu cầu được nuôi cháu V vì hiện nay cháu V đang sống với bà D.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản và không nợ ai tài sản gì nên bà D không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn ông Ngô Văn U thì sau khi tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý cho bị đơn nhưng bị đơn không gửi văn bản ghi kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn nhưng bị đơn U vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy áp dụng điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt ông Ngô Văn U theo quy định pháp luật.

Về nội dung:

- Về hôn nhân:

Bà Ngô Thị Ngọc D và ông Ngô Văn U tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2009 và được Ủy ban nhân dân xã Hòa T, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc T cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 64/2013 ngày 13/9/2013 theo quy định. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, **ông U thường hay cờ bạc, rượu chè, đánh đập bà và có người phụ nữ khác, nên** vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay không hàn gắn lại được.

Xét thấy, do trong quá trình chung sống giữa ông U và bà D không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, do đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, sống không hạnh phúc, ông bà đã sống ly thân thời gian dài mà không có điều kiện hàn gắn trở lại. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa hai người là trầm trọng, cuộc sống chung không có cơ sở để tồn tại, dẫn đến mục đích hôn nhân xây dựng gia đình hạnh phúc không thể đạt được. Do vậy việc bà D yêu cầu được ly hôn với ông U là có căn cứ để chấp nhận theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông U và bà D đã có với nhau 02 con chung tên là Ngô Ngọc Khả A, sinh ngày 18/07/2011 và cháu Ngô Ngọc Khả V, sinh ngày 29/12/2014, hiện nay cháu A đang sống với ông U và cháu Vi đang sống với bà D. Tại phiên tòa bà D thay đổi về yêu cầu nuôi con, do hiện nay cháu A đang sống với ông U nên bà D thống nhất để ông U được nuôi dưỡng cháu A theo nguyện vọng của con, bà yêu cầu được nuôi cháu V vì hiện nay cháu V đang sống với bà D.

Xét thấy, cháu V còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, từ trước đến nay cháu V sống chung với bà D, do đó cần tiếp tục giao cháu V cho bà D được tiếp tục **chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục** đến tuổi trưởng thành là phù hợp. Riêng đối với cháu A thì trước đây sống chung với bà D nhưng hiện nay cháu đang sống với ông U, nguyện vọng của cháu A cũng xin được sống với cha, do đó cần tiếp tục **để cháu** được sống chung với ông U và giao cháu A cho ông U được trực tiếp **chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục** đến tuổi trưởng thành là phù hợp, bà D và ông U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà D không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng đối với ông U.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội** thì bà D phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về đường lối giải quyết vụ án là xét xử cho bà D được ly hôn với ông U, về con chung giao cháu Ngô Ngọc Khả V, sinh ngày 29/12/2014 cho bà D được tiếp tục **chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục** đến tuổi trưởng thành. Ông U được quyền trực tiếp **chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục** cháu Ngô Ngọc Khả A, sinh ngày 18/07/2011 **đến tuổi trưởng thành**. Bà D và ông U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy ý kiến và yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên là có căn cứ vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280, của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, khoản 1, khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội**.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc D

- *Về hôn nhân*: Bà Ngô Thị Ngọc D được ly hôn với ông Ngô Văn U.

- *Về con chung*: Bà D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên là Ngô Ngọc Khả V, sinh ngày 29/12/2014 đến tuổi trưởng thành. Ông U được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục,

nuôi dưỡng cháu Ngô Ngọc Khả A, sinh ngày 18/07/2011 đến tuổi trưởng thành. Dành quyền thăm nom chăm sóc con chung cho ông U và bà D không ai được quyền cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- *Án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Ngô Thị Ngọc D phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đ, theo biên lai thu tiền số 0005382, ngày 21/05/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, như vậy bà D đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với bị đơn U thì thời gian kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Chi cục THADS huyện MX;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Mai Thị Dương Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Hồ Chí Bửu